

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUANG SƠN

Số: 44 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quang Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025 (có các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Hình thức công khai: Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của UBND xã Quang Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc xã;
- Các phòng thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã Quang Sơn;
- Lưu VT, KT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Mạnh Tuấn

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Quang Sơn
Mã đơn vị: T55529
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 04a-CK/TSC



CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dầu tư xây dựng, mua sắm		62		11.328.885,078				
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp		6		10.068.436,278				
1.2	Nhà		2		9.943.557,478				
T55529003-204-461	Nhà hiệu bộ, phòng chức năng, bếp ăn 1 chiều và các công trình phụ trợ khác điểm Trung Tâm		1		5.184.197,478				
T55529005-205-83	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		1		4.759.360,000				
1.3	Vật kiến trúc, Công trình xây dựng khác		4		124.878,800				
T55529002-303-116	Giếng khoan		1		49.883,000				
T55529003-304-450	Mái vòm khu Trung Tâm		1		49.335,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-304-453	Biển trường điểm Trung Tâm		1		12.830,400	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-304-452	Biển trường điểm Mô Ba		1		12.830,400	Mua sắm trực tiếp			
4	Máy móc, thiết bị		50		1.056.203,000				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh		16		265.610,000				
T55529022-60101-6	Máy tính để bàn		1		14.890,000	Chỉ định thầu			
T55529006-60101-7	Máy tính để bàn		1		10.120,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529022-60101-5	Máy tính để bàn		1		14.890,000	Chỉ định thầu			

Stt	Tên đầu sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529022-60101-7	Máy tính để bàn		1		14.890,000	Chỉ định thầu			
T55529021-60102-27	Máy vi tính xách tay Dell 15 C		1		16.020,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529004-60102-86	Máy vi tính xách tay Dell 15 DC		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529021-60102-23	Máy vi tính xách tay Dell 15 C		1		16.020,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529001-60102-8	Máy tính xách tay		1		14.950,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529022-60102-8	Máy tính xách tay		1		19.990,000	Chỉ định thầu			
T55529022-60102-9	Máy tính xách tay		1		20.000,000	Chỉ định thầu			
T55529005-60102-84	Máy tính sách tay DELL		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529005-60102-82	Máy tính sách tay DELL		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529024-60102-25	Máy tính xách tay HP		1		16.660,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529021-60102-24	Máy tính xách tay Dell Inspiron		1		17.900,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529006-60102-6	Máy tính xách tay Dell		1		19.890,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529006-60102-5	Máy tính xách tay Dell		1		19.890,000	Mua sắm trực tiếp			
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung		17		430.643,000				
T55529025003-6020101-73	Bộ máy tính để bàn		1		15.000,000	Chỉ định thầu			
T55529025003-6020101-71	Bộ máy tính để bàn		1		15.000,000	Chỉ định thầu			
T55529025003-6020101-70	Bộ máy tính để bàn		1		15.000,000	Chỉ định thầu			
T55529023-6020206-4	Máy chụp hình KTS Sony Alpha A7 Mark IV/ILCE-A7 M4		1		92.900,000	Mua sắm trực tiếp			

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529005-6020204-86	Tivi LG 65UA 7350 PSB		1		15.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-604-458	Máy chiếu đa năng Viewsonic		1		13.610,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-604-460	Máy chiếu đa năng Viewsonic		1		13.610,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-604-459	Máy chiếu đa năng Viewsonic		1		13.610,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529005-6020201-85	Máy chiếu EPSON EB-E24		1		16.200,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529022-6020112-12	Máy Scan 2 mặt HP		1		12.990,000	Chỉ định thầu			
T55529002-6020110-118	Bàn họp hội đồng		1		13.473,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529022-6020106-11	Máy photocopy		1		110.000,000	Chỉ định thầu			
T55529025003-6020102-74	Máy tính xách tay Dell		1		19.850,000	Chỉ định thầu			
T55529025003-6020102-75	Máy tính xách tay Dell		1		19.850,000	Chỉ định thầu			
T55529002-6020102-114	Máy tính Asus P1403ev		1		15.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55042008214-60301-102	Máy tính Dell Vostro 3530 core 5 - 1334U		1		14.550,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529025003-6020101-72	Bộ máy tính để bàn		1		15.000,000	Chỉ định thầu			
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng		15		317.700,000				
T55529007-60302-77	Máy vi tính xách tay Dell DC15250		1		17.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-60115-451	Thiết bị appliance Firewall, tường lửa thông minh		1		14.300,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529007-60339-75	Bộ âm ly, loa đài		1		38.100,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529002-60322-115	Bộ thiết bị âm thanh ngoài trời		1		35.000,000	Mua sắm trực tiếp			

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529000-60319-230	Tivi vi 75 inch		1		28.900,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529000-60319-228	Tivi vi 65 inch		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529000-60319-229	Tivi vi 65 inch		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529004-60319-88	Tivi LCD thông minh HXYH65B650UA		1		15.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529005-60319-87	Tivi vi LG 65UA 7350 PSB		1		15.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529004-60319-87	Tivi LCD thông minh HXYH65B650UA		1		15.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529004-60319-89	Tivi LCD thông minh HXYH65B650UA		1		15.000,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529000-60319-227	Tivi vi 65 inch		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529000-60319-231	Tivi vi 65 inch		1		16.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529007-60310-78	Bộ bàn ghế quầy phòng hội đồng		1		41.400,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529007-60302-76	Máy vi tính xách tay Dell DC15250		1		17.000,000	Mua sắm trực tiếp			
4.4	Máy móc, thiết bị khác		2		42.250,000				
T55529003-604-455	Tủ sấy bát đĩa trường Đồng Mỹ		1		24.500,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529003-604-454	Tủ cơm ga 20kg bếp Đồng Mỹ		1		17.750,000	Mua sắm trực tiếp			
7	Tài sản cố định hữu hình khác		2		138.432,800				
T55529000-8-234	Khung thép giàn hoa		1		30.800,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529000-8-233	Mái vòm sân khấu		1		107.632,800	Mua sắm trực tiếp			
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)		4		65.813,000				

Stt	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
I								
T55529005-1204-88	Phần mềm tường lửa	1		14.300,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529002-1250-112	Phần mềm giải pháp tường lửa thông minh SafeGate School	1		14.300,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529004-1205-90	Thiết bị Appliance Firewall, giải pháp tường lửa thông minh SafeGate School	1		14.300,000	Mua sắm trực tiếp			
T55529025003-1250-79	Hệ thống tường lửa	1		22.913,000	Mua sắm trực tiếp			
II	Tài sản giao mới	126		67.056.734,675				
I	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp	41		64.070.908,090				
I.1	Đất	21		40.222.611,700				
T55529021-10203-11	Nhà văn hóa xóm Hồng Phong, xã Tân Long	1		245.396,000				
T55529008-10202-1	Đất TYT Quang Sơn	1		6.874.056,000				
T55529008-10202-2	Đất TYT Tân Long cũ	1		889.980,000				
T55529002-10201-111	Đất Lân Dầm	1		148.820,000				
T55529001-101-1	Đất trụ sở	1		5.510.160,000				
T55529021-1-2	Nhà văn hóa Ba Đình, xã Tân Long	1		655.300,000				
T55529021-10203-7	Nhà văn hóa xóm Đồng Thu	1		459.580,000				
T55529021-10203-12	Nhà văn hóa xóm Đồng Mẫu, xã Tân Long	1		361.800,000				
T55529021-10203-1	Nhà văn hóa xóm Mỏ Ba, xã Tân Long	1		104.520,000				
T55529021-1-4	Nhà văn hóa xóm Đồng Tâm	1		1.437.730,000				
T55529021-10203-9	Nhà văn hóa xóm Làng Giếng, xã Tân Long	1		246.791,000				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhân hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529021-10203-10	Nhà văn hóa xóm Đồng Mây, xã Tân Long		1		250.750,000				
T55529021-10203-13	Nhà văn hóa xóm La Giang		1		1.740.000,000				
T55529021-10203-6	Nhà văn hóa xóm Lân Dăm		1		281.604,000				
T55529024-101-10	Điểm trường Mầm non Đồng Luông		1		221.100,000				
T55529021-10203-3	Nhà văn hóa xóm Lân Quan		1		124.310,000				
T55529021-10203-14	Nhà văn hóa xóm Xuân Quang		1		235.600,000				
T55529021-10203-5	Nhà văn hóa xóm Thống Nhất		1		145.266,000				
T55529024-101-11	Điểm trường Mầm non Hồng Phong		1		71.232,700				
T55529021-10203-8	Nhà văn hóa xóm Trung Sơn		1		1.302.496,000				
T55529024-10209-56	Chợ xã Quang Sơn		1		18.916.120,000				
1.2	Nhà		20		23.848.296,390				
T55529000-204-226	Nhà lớp học 2 tầng ở phòng và các công trình phụ trợ trường tiểu học Sa Lung-Điểm trường Lân Quan		1		3.897.834,271				
T55529024-205-6	Nhà lớp học Đồng Luông		1		15.162,300				
T55529001-205-3	Nhà một cửa UBND		1		2.429.383,000				
T55529001-205-4	Nhà văn hóa trung tâm xã, 4 phòng chức năng		1		2.385.706,685				
T55529021-205-21	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn		1		353.824,000				
T55529021-205-20	Nâng cấp mở rộng nhà văn hóa trung tâm xã và xây dựng 4 phòng chức năng xã Quang Sơn		1		2.385.706,685				
T55529021-205-17	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Trung Sơn, xã Quang Sơn		1		479.216,000				

Stt		Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529021-205-16	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Đồng Tâm, xã Quang Sơn		1		548.080,000				
T55529021-205-15	Nhà văn hóa trung tâm xã		1		1.427.116,000				
T55529021-205-19	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm La Giang, xã Quang Sơn		1		539.810,000				
T55529021-205-18	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Thống Nhất, xã Quang Sơn		1		343.350,000				
T55529008-205-4	Nhà số 2 TYT Quang Sơn		1		933.053,274				
T55529008-205-5	Nhà để xe TYT Quang Sơn		1		23.775,398				
T55529008-205-6	Nhà vệ sinh Quang Sơn		1		277.034,684				
T55529008-205-3	Nhà số 1 TYT Quang Sơn		1		321.606,122				
T55529008-205-7	Nhà TYT xã Tân Long cũ		1		3.843.817,723				
T55529024-205-7	Khu nhà vệ sinh Đồng Luông		1		68.464,500				
T55529024-205-2	Khu bếp Đồng Luông B5		1		15.162,000				
T55529001-205-54	Nhà làm việc 2 tầng		1		3.137.718,000				
T55529001-205-5	Xây dựng bếp ăn, khu vệ sinh công an xã Quang Sơn		1		422.475,748				
2	Xe ô tô		1		900.000,000				
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung		1		900.000,000				
T55529025003-40102-1	TOYOTA-20A-00443		1	TOYOTA	900.000,000				
4	Máy móc, thiết bị		83		1.993.826,585				
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh		35		528.930,000				

Stt		Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529022-60101-4	Máy tính để bàn		1		12.500,000				
T55529024-60112-16	Máy scan HP		1		10.180,000				
T55529022-60101-15	Máy tính để bàn		1		13.740,000				
T55529022-60101-14	Máy tính để bàn		1		13.740,000				
T55529022-60101-3	Máy tính để bàn		1		15.000,000				
T55529023-60101-1	Máy vi tính để bàn HP		1		14.950,000				
T55529023-60101-2	Máy tính để bàn HP		1		11.750,000				
T55529024-60101-18	Máy vi tính HP (Modem: S01-pF2034d)		1		14.730,000				
T55529024-60101-15	Máy tính để bàn HP		1		14.990,000				
T55529024-60101-20	Máy tính để bàn		1		13.780,000				
T55529024-60101-22	Máy tính để bàn FPT Elead T323		1		11.900,000				
T55529024-60101-14	Máy tính để bàn		1		11.750,000				
T55529008-60101-10	Máy tính đồng bộ để bàn SingPC-Tân Long		1		13.750,000				
T55529008-60101-8	Máy vi tính FPT ELED TDM217/màn hình FPT ELED 21.5"		1		10.800,000				
T55529008-60101-9	Bộ máy tính để bàn FPT ELED T74i G7400 - Tân Long		1		10.550,000				
T55529021-60101-25	Máy tính để bàn		1		13.710,000				
T55529021-60101-26	Máy vi tính để bàn CMS X-Media X938		1		13.740,000				
T55529001-60101-13	Máy tính để bàn		1		12.500,000				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529001-60101-9	Bộ máy vi tính để bàn		1		10.560,000				
T55529001-60101-10	Máy tính để bàn HP		1		14.730,000				
T55529001-60101-6	Máy tính để bàn		1		12.450,000				
T55529001-60101-12	Máy tính để bàn		1		12.500,000				
T55529021-60101-22	Máy tính để bàn		1		13.740,000				
T55529024-60102-21	Máy tính xách tay HP 15s		1		14.050,000				
T55529006-60102-3	Máy tính xách tay Dell		1		15.000,000				
T55529001-60102-7	Máy tính xách tay Dell		1		14.500,000				
T55529024-60102-23	Máy tính xách tay(HP)		1		13.000,000				
T55529001-60102-11	Máy tính xách tay		1		14.890,000				
T55529024-60102-19	Máy tính xách tay Asus		1		14.500,000				
T55529001-60109-31	Bàn ghế tiếp khách		1		14.590,000				
T55529024-60112-26	Máy quét tài liệu		1		82.500,000				
T55529024-60112-24	Máy scan (HP)		1		11.750,000				
T55529023-60112-3	Máy scan HP		1		10.180,000				
T55529024-60112-17	Máy scan A4 HP		1		11.750,000				
T55529006-60101-2	Máy tính để bàn		1		14.180,000				
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung		35		1.139.166,585				

Stt		Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529025003-60101-12	Máy tính để bàn		1		14.050,000				
T55529008-6020222-11	Mái tôn sân Trạm Y tế 23m2		1		51.766,000				
T55529025003-60102-5	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529025003-60102-13	Máy tính xách tay		1		14.900,000				
T55529025003-60102-10	Máy tính xách tay Compacp		1		12.007,050				
T55529025003-60102-8	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529025003-60102-2	Máy tính (Tính chuyển)		1		13.843,095				
T55529025003-60102-9	Máy tính xách tay ASUS X542UQ		1		14.890,000				
T55529025003-60102-7	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529025003-60102-14	Máy vi tính HP (Modem: S01-pF2034d)		1		14.730,000				
T55529025003-60102-3	Máy tính (Tính chuyển)		1		15.837,440				
T55529025003-60102-4	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529006-6020102-4	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529025003-60103-11	Máy in A3		1		27.894,000				
T55529001-6020107-15	Điều hòa		1		10.829,000				
T55529025003-6020109-80	Bàn ghế Đồng kỵ		1		11.000,000				
T55529025003-6020109-81	Bàn ghế tiếp khách		1		14.590,000				
T55529001-6020109-30	Bàn ghế đồng kỵ		1		11.000,000				

Stt		Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529022-6020112-10	Máy Scan A4 HP Scanjet Pro- 3000- S2		1		11.750,000				
T55529001-6020204-29	Màn hình LED nhà văn hóa trung tâm xã		1		98.000,000				
T55529001-6020204-21	Internet Tivi 75UR801COSB		1		24.600,000				
T55529001-6020207-25	Loa hội trường DSPPA D2153		1		25.000,000				
T55529001-6020207-20	Loa trầm CAVS P12PLUS		1		11.000,000				
T55529001-6020207-27	Bộ quản lý nguồn điện DSPPA AE- PSC218		1		16.200,000				
T55529001-6020207-19	Loa trầm CAVS P12PLUS		1		11.000,000				
T55529001-6020207-23	Bộ chống phản hồi âm DSPPA AE-1999		1		17.700,000				
T55529001-6020207-18	Bộ khuếch đại CAVS M4850		1		14.800,000				
T55529001-6020207-26	Thiết bị âm thanh đa kênh DSPPA AE- SDT		1		14.700,000				
T55529001-6020207-16	Hệ thống truyền thanh không dây và các thiết bị kèm theo		1		382.820,000				
T55529001-6020207-28	Micro không dây Shure SM58		1		22.600,000				
T55529001-6020207-22	Amplifier DSP power amplifier L3600FD- EU		1		44.300,000				
T55529001-6020207-14	Loa đài âm ly		1		13.110,000				
T55529001-6020207-24	Loa hội trường DSPPA D2153		1		25.000,000				
T55529001-6020218-17	Máy bơm nước		1		43.950,000				
T55529025003-60102-6	Máy tính bảng		1		22.550,000				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng		13		325.730,000				

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển	Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
T55529001-60301-33	Máy tính để bàn		1		18.950,000				
T55529001-60301-32	Máy tính để bàn		1		17.320,000				
T55529001-60302-37	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529001-60302-35	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529001-60302-36	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529001-60302-34	Máy tính bảng		1		22.550,000				
T55529008-60339-12	Bàn khám lâm thủ thuật phụ khoa- Quang Sơn		1		11.800,000				
T55529001-60319-38	Tivi hiển thị lịch công tác		1		34.900,000				
T55529001-60319-39	Tivi hiển thị lịch công tác		1		34.900,000				
T55529022-60337-13	Máy tính Kiosk tra cứu văn bản cho bộ phận 1 cửa		1		83.000,000				
T55529008-60339-13	Bộ đặt vòng		1		11.470,000				
T55529008-60339-14	Bộ tháo vòng		1		11.190,000				
T55529001-60309-40	Bộ bàn ghế đồng ky		1		12.000,000				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)		1		92.000,000				
T55529024-1204-57	Phần mềm báo cáo tổng hợp dữ liệu tài chính		1		92.000,000				

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Quang Sơn
 Mã đơn vị: T55529
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 04b-CK/TSC



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Đanh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	140	106.324,92	141.008.944,01	108.808.897,49	297.640.279,82				
1.1	Đất	39	79.955,10	65.460.132,70	65.460.132,70	79.955,10				
T55529001-101-1	Đất trụ sở	1	3.061,20	5.510.160,00	5.510.160,00	3.061,20				
T55042008055-10201-85	Đất điểm trường Lân Đăm	1	62,10	23.908,50	23.908,50	62,10				
T55042008058-10201-42	Khu đất điểm trường Lân Quan	1	456,00	145.464,00	145.464,00	456,00				
T55042008058-10201-26	Khu đất điểm trường Ba Đình	1	403,00	137.423,00	137.423,00	403,00				
T55042008009-10201-13	Đất	1	6.353,00	2.223.550,00	2.223.550,00	6.353,00				
T55042008217-10201-18	Đất khu Mỏ Ba	1	2.833,70	481.729,00	481.729,00	2.833,70				
T55042008010-1-52	Ghi tăng giá trị đất	1	5.800,00	4.073.873,00	4.073.873,00	5.800,00				
T55042008214-10201-13	Đất Lân Tây	1	921,40	2.331.142,00	2.331.142,00	921,40				
T55042008058-10201-27	Đất điểm trung tâm Làng Mới	1	1.487,90	818.345,00	818.345,00	1.487,90				
T55042008055-10201-54	Đất khu trung tâm	1	6.210,00	6.132.290,00	6.132.290,00	6.210,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008217-10201-17	Đất khu trung tâm	1	6.207,00	2.033.100,00	2.033.100,00	6.207,00				
T55042008058-10201-330	Đất điểm trường Đồng Mây	1	4.258,60	2.342.230,00	2.342.230,00	4.258,60				
T55042008214-10201-17	Đất Trung Sơn	1	596,90	229.806,50	229.806,50	596,90				
T55042008029-10201-15	Khu đất Sa Lung	1	3.449,30	586.381,00	586.381,00	3.449,30				
T55042008029-10201-14	Khu đất trung tâm Tân Long	1	6.097,00	1.174.190,00	1.174.190,00	6.097,00				
T55042008058-10201-43	Khu đất điểm trường Mỏ Ba	1	325,50	103.834,50	103.834,50	325,50				
T55529002-10201-111	Đất Lân Dăm	1	425,20	148.820,00	148.820,00	425,20				
T55042008009-10201-14	Đất	1	3.086,90	617.380,00	617.380,00	3.086,90				
T55042008214-10201-15	Đất Trung Tâm	1	2.113,70	1.511.295,50	1.511.295,50	2.113,70				
T55042008055-10201-84	Đất điểm trường Trung Sơn	1	705,40	271.579,00	271.579,00	705,40				
T55529008-10202-2	Đất TYT Tân Long cũ	1	978,00	889.980,00	889.980,00	978,00				
T55529008-10202-1	Đất TYT Quang Sơn	1	4.269,60	6.874.056,00	6.874.056,00	4.269,60				
T55529021-10203-6	Nhà văn hóa xóm Lân Dăm	1	908,40	281.604,00	281.604,00	908,40				
T55529024-101-10	Điểm trường Mầm non Đồng Luông	1	403,00	221.100,00	221.100,00	403,00				
T55529021-10203-5	Nhà văn hóa xóm Thống Nhất	1	468,60	145.266,00	145.266,00	468,60				
T55529021-10203-8	Nhà văn hóa xóm Trung Sơn	1	4.201,60	1.302.496,00	1.302.496,00	4.201,60				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529021-10203-14	Nhà văn hóa xóm Xuân Quang	1	760,00	235.600,00	235.600,00	760,00				
T55529021-10203-10	Nhà văn hóa xóm Đồng Mây, xã Tân Long	1	502,00	250.750,00	250.750,00	502,00				
T55529021-10203-12	Nhà văn hóa xóm Đồng Mẫu, xã Tân Long	1	724,00	361.800,00	361.800,00	724,00				
T55529021-10203-13	Nhà văn hóa xóm La Giang	1	600,00	1.740.000,00	1.740.000,00	600,00				
T55529021-1-2	Nhà văn hóa Ba Đình, xã Tân Long	1	1.311,00	655.300,00	655.300,00	1.311,00				
T55529021-10203-3	Nhà văn hóa xóm Lân Quan	1	401,00	124.310,00	124.310,00	401,00				
T55529024-101-11	Điểm trường Mầm non Hồng Phong	1	223,30	71.232,70	71.232,70	223,30				
T55529021-10203-7	Nhà văn hóa xóm Đồng Thu	1	208,90	459.580,00	459.580,00	208,90				
T55529021-1-4	Nhà văn hóa xóm Đồng Tâm	1	625,10	1.437.730,00	1.437.730,00	625,10				
T55529021-10203-1	Nhà văn hóa xóm Mô Ba, xã Tân Long	1	402,00	104.520,00	104.520,00	402,00				
T55529021-10203-9	Nhà văn hóa xóm Làng Giếng, xã Tân Long	1	796,00	246.791,00	246.791,00	796,00				
T55529021-10203-11	Nhà văn hóa xóm Hồng Phong, xã Tân Long	1	796,00	245.396,00	245.396,00	796,00				
T55529024-10209-56	Chợ xã Quang Sơn	1	6.522,80	18.916.120,00	18.916.120,00	6.522,80				
1.2	Nhà	73	12.729,42	72.353.252,16	42.284.992,22	297.560.308,72				
T55042008055-204-69	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	1	511,00	3.203.570,00	2.819.141,60	511,00				
T55529003-204-461	Nhà hiệu bộ, phòng chức năng, bếp ăn 1 chiều và các công trình phụ trợ khác	1	304,30	5.184.197,48	4.976.829,58	608,60				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008009-204-193	Nhà 2 tầng 6 phòng học điểm Trung tâm Trường tiểu học Sa Lung	1	335,90	3.063.593,00	2.695.961,84	335,90				
T55529000-204-226	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các công trình phụ trợ trường tiểu học Sa Lung-	1	574,20	3.897.834,27	3.741.920,90	574,20				
T55529024-205-2	Khu bếp Đồng Luông B5	1	12,00	15.162,00		12,00				
T55529008-205-6	Nhà vệ sinh Quang Sơn	1	21,27	277.034,68	240.078,26	21,27				
T55042008010-205-10	Phòng bảo vệ	1	20,00	21.555,00	90,53	20,00				
T55042008058-205-57	Nhà bếp ba đình B7	1	12,00	16.000,00		12,00				
T55042008058-205-59	Nhà Hiệu bộ trưởng mầm non Tân Long	1	90,00	755.967,00	201.368,01	90,00				
T55529005-205-83	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1	580,00	4.759.360,00	4.441.910,69	580,00				
T55042008055-205-82	Nhà vệ sinh học sinh điểm trường trung tâm	1	15,00	0,00		15,00				
T55042008058-205-320	Bếp ăn 1 chiều điểm Đồng Máy	1	95,04	946.566,00	757.158,14	95,04				
T55529008-205-3	Nhà số 1 TYT Quang Sơn	1	140,60	321.606,12	276.703,87	140,60				
T55042008029-205-24	Nhà lớp học 2 tầng	1	729,00	2.800.000,00	563.080,00	729,00				
T55042008055-205-83	Nhà bếp	1	60,00	0,00		60,00				
T55042008217-205-2	Nhà hội đồng	1	140,00	150.000,00		140,00				
T55042008010-205-17	Nhà thư viện, thí nghiệm	1	190,00	212.237,00	18.538,92	190,00				
T55042008214-205-24	Lớp học Trung Sơn	1	64,00	488.181,00	98.173,20	64,00				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008009-205-10	Nhà tập thể C	1	170,00	38.840,00		170,00				
T55042008010-205-15	Nhà chức năng	1	132,00	233.237,00		132,00				
T55529024-205-7	Khu nhà vệ sinh Đồng Luông	1	36,00	68.464,50		36,00				
T55042008055-205-26	Dãy nhà các phòng làm việc	1	107,10	46.297,00		107,10				
T55529008-205-5	Nhà để xe TYT Quang Son	1	36,00	23.775,40	20.603,76	36,00				
T55042008009-205-36	Nhà phòng học 2 tầng	1	432,00	781.943,00		432,00				
T55042008217-205-37	Nhà vệ sinh khu Mỏ Ba	1	44,00	125.000,00		44,00				
T55042008055-205-25	Nhà lớp học 2	1	88,20	43.552,00		88,20				
T55042008009-205-18	NHÀ lớp học N15	1	54,00	44.000,00		54,00				
T55529001-205-4	Nhà văn hóa trung tâm xã, 4 phòng chức năng	1	380,00	2.385.706,69	1.353.105,62	380,00				
T55529021-205-18	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Thống Nhất, xã Quang Sơn	1	140,00	343.350,00	274.645,67	297.547.110,00				
T55529021-205-17	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Trung Sơn, xã Quang Sơn	1	115,00	479.216,00	383.324,88	115,00				
T55042008058-205-10	Khu nhà vệ sinh Mỏ ba KA8	1	13,50	16.000,00		13,50				
T55042008055-205-32	Nhà phòng học 2 tầng	1	526,40	2.714.896,00	1.366.421,31	526,40				
T55042008029-205-8	Nhà nội trú học sinh	1	360,00	1.200.000,00	241.320,00	360,00				
T55529008-205-4	Nhà số 2 TYT Quang Son	1	170,09	933.053,27	808.583,97	170,09				

STT	Đanh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529021-205-19	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm La Giang, xã Quang Sơn	1	112,00	539.810,00	431.794,02	112,00				
T55042008217-205-25	Nhà lớp học 1 phòng học Mỏ Ba	1	62,60	166.542,14	11.682,93	62,60				
T55042008009-205-25	Nhà lớp học 2 phòng số 1,2,3	1	324,00	495.803,00	41.508,63	324,00				
T55042008010-205-45	Nhà vệ sinh học sinh số 1	1	15,00	92.308,25	73.837,37	15,00				
T55042008010-205-46	Nhà vệ sinh học sinh số 2	1	24,00	266.210,89	212.942,09	24,00				
T55529021-205-21	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Xuân Quang, xã Quang Sơn	1	164,00	353.824,00	211.199,94	164,00				
T55042008055-205-70	Phòng học điểm trường Lân Đăm	1	54,00	871.313,00	696.963,27	54,00				
T55042008010-205-21	Nhà học sinh	1	130,00	142.737,00	41.371,07	130,00				
T55529021-205-16	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao xóm Đồng Tâm, xã Quang Sơn	1	150,00	548.080,00	438.409,19	150,00				
T55042008029-205-64	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng; nhà hiệu bộ	1	305,00	7.472.477,32	4.980.693,53	610,00				
T55042008217-205-38	Cải tạo sửa chữa nhà chức năng và các công trình phụ trợ	1	103,00	284.148,00	1.193,42	103,00				
T55042008058-205-17	Lớp học xóm Mỏ ba	1	36,00	68.464,50		36,00				
T55042008214-205-9	Nhà bếp, vệ sinh Lân Tây 1	1	200,00	582.222,00	117.084,84	200,00				
T55042008055-205-81	Nhà vệ sinh giáo viên	1	20,00	120.000,00	111.996,00	20,00				
T55042008217-205-22	Nhà lớp học 2 phòng học Mỏ Ba	1	160,90	325.387,00		160,90				
T55042008058-205-60	Phòng lớp học Lân Quan 2015	1	28,10	49.838,20	13.275,47	28,10				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008055-205-66	Nhà vệ sinh học sinh điểm Trung Sơn	1	15,00	174.948,55	139.941,34	15,00				
T55042008058-205-47	Khu nhà vệ sinh Lân Quan K1	1	11,70	14.826,00		11,70				
T55529008-205-7	Nhà TYT xã Tân Long cũ	1	231,57	3.843.817,72	3.331.052,44	231,57				
T55042008058-205-15	Lớp học xóm Ba Đình	1	72,00	136.929,00		72,00				
T55042008029-205-9	Nhà lớp học N2	1	94,00	31.210,00		94,00				
T55042008010-205-9	Phòng học 2 tầng	1	342,00	1.575.064,00	66.515,69	342,00				
T55042008214-204-70	Nhà lớp học Lân Tây	1	200,00	3.289.059,00	1.315.926,41	200,00				
T55042008058-205-19	Xóm Lân Quan	1	54,00	76.217,70		54,00				
T55042008010-205-19	Nhà cấp bốn 2 phòng	1	130,00	261.561,00	20.801,23	130,00				
T55042008217-205-29	Nhà lớp học 2 tầng	1	514,80	700.000,00		514,80				
T55042008055-205-27	Nhà hội đồng	1	117,70	48.679,00		117,70				
T55042008058-205-58	Nhà 2 tầng 4 phòng học	1	123,00	2.696.274,00	718.210,36	123,00				
T55529001-205-3	Nhà một cửa UBND	1	480,00	2.429.383,00	1.133.064,23	480,00				
T55529021-205-15	Nhà văn hóa trung tâm xã	1	229,00	1.427.116,00		229,00				
T55042008058-205-11	Khu nhà bếp Lân Quan B1	1	11,30	29.923,00		11,30				
T55529024-205-6	Nhà lớp học Đồng Luông	1	11,70	15.162,30	0,18	11,70				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008058-205-54	Nhà bếp Xóm Mỏ Ba B8	1	12,00	16.000,00		12,00				
T55042008058-205-45	Nhà vệ sinh khu ba Đình KA 7	1	12,00	16.000,00		12,00				
T55529021-205-20	Nâng cấp mở rộng nhà văn hóa trung tâm xã và xây dựng 4 phòng chức năng xã	1	380,00	2.385.706,69	1.353.105,62	380,00				
T55529001-205-54	Nhà làm việc 2 tầng	1	588,25	3.137.718,00	1.109.082,29	588,25				
T55529001-205-5	Xây dựng bếp ăn, khu vệ sinh công an xã Quang Sơn	1	120,00	422.475,75	253.400,95	120,00				
T55042008217-205-24	Nhà công vụ GV khu Mỏ Ba	1	232,20	765.821,75		232,20				
T55042008029-205-4	Nhà thư viện	1	160,00	890.000,00	178.979,00	160,00				
1.3	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	28	13.640,40	3.195.559,15	1.063.772,57	16,00				
T55042008058-301-322	Sân nền đất điểm trường Đồng Mây	1	4.066,00	227.789,00	193.620,65					
T55042008055-301-36	Sân trường chính	1	1.000,00	213.268,00						
T55042008055-301-38	Sân phân trường	1	150,00	14.582,00						
T55042008029-301-47	Sân bê tông khu phân hiệu Sa Lung	1	909,00	44.837,00	24.660,35					
T55042008217-301-39	Sân bê tông	1	518,00	38.000,00		1,00				
T55042008217-302-51	Tường rào bảo vệ	1	200,00	60.000,00		1,00				
T55042008055-301-35	Sân bê tông	1	500,00	144.250,00						
T55042008217-301-40	Sân đất nén	1	500,00	29.772,00		1,00				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529002-303-116	Giếng khoan	1	36,00	49.883,00	44.894,70	1,00				
T55042008058-303-323	Giếng khoan điểm Trung Tâm	1	25,00	19.878,40	13.914,88					
T55042008058-303-321	Cổng+ tường rào điểm trường Đồng Mây	1	4.066,00	788.123,00	551.686,10					
T55529000-304-236	Khung thép giàn hoa	1	1,00	30.800,00	27.720,00	1,00				
T55042008058-304-49	Nhà để xe khu trung tâm	1	95,00	32.400,00		1,00				
T55529003-304-457	Mái tôn nhà để xe điểm Đồng Mây	1	90,00	21.100,00	18.990,00	1,00				
T55042008058-304-312	Mái vòm Mỏ Ba	1	135,00	37.573,50	18.786,75					
T55042008217-304-56	Mái tôn nhà để xe	1	70,00	13.167,00	2.633,40					
T55042008010-304-14	Sân bê tông	1	200,00	13.400,00		1,00				
T55529000-304-235	Mái vòm sân khấu	1	1,00	107.632,80	96.869,52	1,00				
T55042008058-304-296	Mái vòm khu PTTC	1	100,00	25.000,00	2.500,00					
T55529003-304-450	Mái vòm khu Trung Tâm	1	138,00	49.335,00	44.401,50	1,00				
T55042008214-304-6	Cổng hàng rào trung tâm	1	200,00	580.464,38						
T55529003-304-453	Biên trường điểm Trung Tâm	1	7,20	12.830,40	11.547,36	1,00				
T55042008010-304-13	Tường bao	1	60,00	11.006,00		1,00				
T55042008029-304-19	Nhà xe bằng mái tôn	1	84,00	24.645,60		1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008058-304-48	Cổng trường trung tâm	1	25,00	13.101,00		1,00				
T55529003-304-452	Biển trường điểm Mỏ Ba	1	7,20	12.830,40	11.547,36	1,00				
T55042008214-304-18	Hàng rào Trung Sơn	1	25,00	505.890,67						
T55042008009-304-20	Sân bê tông	1	432,00	74.000,00		1,00				
2	Xe ô tô	1		900.000,00	479.871,82	1,00				
2.2	Xe ô tô phục vụ công tác chung	1		900.000,00	479.871,82	1,00				
T55529025003-40102-1	TOY 20A-00443	1		900.000,00	479.871,82	1,00				
4	Máy móc, thiết bị	335		8.454.085,60	2.098.016,67	218,00			1,00	
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh	119		3.089.894,80	396.488,60	75,00			1,00	
T55529001-60101-9	Bộ máy vi tính để bàn	1		10.560,00		1,00				
T55529022-60101-4	Máy tính để bàn	1		12.500,00	7.300,00	1,00				
T55042008010-60101-72	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008010-60101-57	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008029-501-2	Máy tính để bàn VNBC CPU 306/ĐIGN	1		10.165,00						
T55042008010-60101-55	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008010-60101-71	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				



STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008010-60101-58	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008009-60101-106	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55042008010-60101-68	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55529024-60101-22	Máy tính để bàn FPT Elead T323	1		11.900,00	1.060,00	1,00				
T55042008009-60101-108	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529023-60101-1	Máy vi tính để bàn HP	1		14.950,00	2.930,00	1,00				
T55042008010-60101-60	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55529006-60101-2	Máy tính để bàn	1		14.180,00		1,00				
T55042008010-60101-63	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008010-60101-66	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008009-60101-92	Máy vi tính để bàn FPT LQ20.91	1		14.600,00						
T55042008009-60101-100	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529024-60101-14	Máy tính để bàn	1		11.750,00	2.750,00	1,00				
T55042008029-501-7	Máy tính xách tay Lenovo	1		12.171,80						
T55529001-60101-13	Máy tính để bàn	1		12.500,00	7.500,00	1,00				
T55042008010-60101-67	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529024-60101-15	Máy tính để bàn HP	1		14.990,00	5.996,00	1,00				
T55042008010-501-7	Máy tính để bàn CPU F2200	1		10.000,00						
T55042008217-60101-65	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam (20 bộ) TH Tân Long	1		217.720,00		1,00				
T55042008010-60101-69	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008009-60101-110	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55042008009-60101-109	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55042008010-501-8	Bộ máy tính DNA	1		13.980,00						
T55529001-60101-6	Máy tính để bàn	1		12.450,00		1,00				
T55042008010-501-27	Máy tính xách tay Tosiba	1		13.100,00						
T55042008009-60101-114	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55042008009-60101-116	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam (10 bộ) TH Sa Long	1		108.860,00						
T55042008009-60101-103	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529024-60101-20	Máy tính để bàn	1		13.780,00	808,00	1,00				
T55529022-60101-15	Máy tính để bàn	1		13.740,00		1,00				
T55529008-60101-8	Máy vi tính FPT ELED TDM217/màn hình FPT ELED 21.5"	1		10.800,00		1,00				
T55042008010-60101-62	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529022-60101-6	Máy tính để bàn	1		14.890,00	11.912,00	1,00				
T55529022-60101-7	Máy tính để bàn	1		14.890,00	11.912,00	1,00				
T55042008009-60101-104	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55042008010-60101-65	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55529008-60101-10	Máy tính đồng bộ để bàn SingPC-Tân Long	1		13.750,00	5.500,00	1,00				
T55529022-60101-5	Máy tính để bàn	1		14.890,00	11.912,00	1,00				
T55042008010-60101-64	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55529021-60101-25	Máy tính để bàn	1		13.710,00	2.578,00	1,00				
T55042008009-60101-111	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529021-60101-26	Máy vi tính để bàn CMS X-Media X938	1		13.740,00	2.512,00	1,00				
T55529022-60101-14	Máy tính để bàn	1		13.740,00		1,00				
T55529021-60101-22	Máy tính để bàn	1		13.740,00	1.924,00	1,00				
T55042008029-60101-58	Máy tính để bàn (20 chiếc)	1		292.810,00						
T55042008010-60101-59	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008010-60101-70	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55529001-60101-12	Máy tính để bàn	1		12.500,00	7.500,00	1,00				

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008009-60101-112	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529006-60101-7	Máy tính để bàn	1		10.120,00	8.096,00	1,00				
T55042008010-60101-73	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008029-60101-60	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam (50 bộ) PTDTBT THCS Tân Long	1		544.300,00		1,00				
T55042008010-60101-56	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008009-60101-105	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529023-60101-2	Máy tính để bàn HP	1		11.750,00	1.000,00	1,00				
T55529008-60101-9	Bộ máy tính để bàn FPT ELED T74i G7400 - Tân Long	1		10.550,00	4.220,00	1,00				
T55529022-60101-3	Máy tính để bàn	1		15.000,00	3.000,00	1,00				
T55042008217-60101-68	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66 (15 bộ SGD cần)	1		219.000,00						
T55042008055-60101-61	Máy tính để bàn dung chung	1		14.540,00						
T55042008009-60101-107	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529001-60101-10	Máy tính để bàn HP	1		14.730,00	2.946,00	1,00				
T55042008010-501-28	Máy tính thương hiệu VTB	1		14.180,00						
T55042008009-60101-101	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55042008009-60101-113	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						

STT	Đanh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008010-60101-61	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55042008009-60101-102	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XE3D-F66	1		14.504,00						
T55529024-60101-18	Máy vi tính HP (Modem: S01-pF2034d)	1		14.730,00		1,00				
T55042008055-60101-57	Bộ Máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam (10 bộ) TH Quang Sơn	1		108.860,00						
T55042008010-60101-74	Bộ máy tính để bàn thương hiệu Việt Nam	1		10.886,00		1,00				
T55529022-60102-9	Máy tính xách tay	1		20.000,00	16.000,00	1,00				
T55529022-60102-8	Máy tính xách tay	1		19.990,00	15.992,00	1,00				
T55529001-60102-11	Máy tính xách tay	1		14.890,00	2.978,00	1,00				
T55529021-60102-27	Máy vi tính xách tay Dell 15 C	1		16.020,00	12.816,00	1,00				
T55529004-60102-86	Máy vi tính xách tay Dell 15 DC	1		16.500,00	13.200,00	1,00				
T55529021-60102-23	Máy vi tính xách tay Dell 15 C	1		16.020,00	12.816,00	1,00				
T55529024-60102-19	Máy tính xách tay Asus	1		14.500,00	1.850,00	1,00				
T55042008009-60102-190	Máy tính xách tay Dell Core i3	1		14.050,00	5.620,00					
T55042008217-60102-72	Máy tính xách tay Dell latitude 3520	1		15.000,00	3.000,00					
T55042008010-60102-54	Máy tính xách tay Acer	1		16.120,00	9.672,00	1,00				
T55529021-60102-24	Máy tính xách tay Dell Inspiron	1		17.900,00	14.320,00	1,00				

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008055-60102-52	Máy vi tính xách tay DELL	1		14.990,00						
T55042008029-502-33	Máy tính xách tay DELL	1		11.500,00						
T55042008009-60102-177	Máy tính xách tay HP core i3	1		13.500,00						
T55042008055-60102-67	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron i5	1		15.000,00	6.000,00					
T55529006-60102-3	Máy tính xách tay Dell	1		15.000,00					1,00	
T55529005-60102-84	Máy tính xách tay DELL	1		16.500,00	13.200,00	1,00				
T55042008055-60102-64	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron	1		15.000,00	3.000,00					
T55042008029-60102-55	Máy tính xách tay Dell N3501A	1		14.660,00						
T55042008217-60102-70	Máy tính xách tay Dell 3593	1		15.000,00						
T55529001-60102-7	Máy tính xách tay Dell	1		14.500,00		1,00				
T55042008055-60102-55	Máy vi tính xách tay HP	1		14.990,00						
T55529001-60102-8	Máy tính xách tay	1		14.950,00	11.960,00	1,00				
T55529024-60102-25	Máy tính xách tay HP	1		16.660,00	13.328,00	1,00				
T55529006-60102-5	Máy tính xách tay Dell	1		19.890,00	15.912,00	1,00				
T55042008029-502-31	Máy tính xách tay DELL	1		11.500,00						
T55529024-60102-21	Máy tính xách tay HP 15s	1		14.050,00		1,00				

STT	Đanh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529006-60102-6	Máy tính xách tay Dell	1		19.890,00	15.912,00	1,00				
T55042008058-60102-329	Máy tính xách tay Dell core i7	1		14.990,00	8.994,00	1,00				
T55042008010-60102-39	Máy tính xách tay Dell	1		14.950,00						
T55529005-60102-82	Máy tính xách tay DELL	1		16.500,00	16.225,00	1,00				
T55042008217-60102-69	Máy tính xách tay Dell 3593	1		15.000,00						
T55529024-60102-23	Máy tính xách tay(HP)	1		13.000,00	2.300,00	1,00				
T55042008029-60102-56	Máy tính xách tay Dell N3501A	1		14.660,00						
T55042008217-502-53	Máy tính xách tay ACER	1		10.400,00		1,00				
T55042008010-60103-42	Máy in đa năng	1		13.500,00	2.700,00					
T55529001-60109-31	Bàn ghế tiếp khách	1		14.590,00		1,00				
T55042008010-60111-41	Tủ đựng hồ sơ phòng chuyên môn	1		10.978,00	2.195,60					
T55529023-60112-3	Máy scan HP	1		10.180,00	2.214,00	1,00				
T55529024-60112-17	Máy scan A4 HP	1		11.750,00	1.550,00	1,00				
T55529024-60112-26	Máy quét tài liệu	1		82.500,00	66.000,00	1,00				
T55529024-60112-24	Máy scan (HP)	1		11.750,00	1.830,00	1,00				
T55529024-60112-16	Máy scan HP	1		10.180,00	1.348,00	1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động	143		3.750.555,38	1.128.240,56	91,00				
T55529025003-6020101-71	Bộ máy tính để bàn	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529025003-6020101-73	Bộ máy tính để bàn	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529000-6020101-237	Máy tính Phantom	1		92.000,00		1,00				
T55529025003-60101-12	Máy tính để bàn	1		14.050,00	8.430,00	1,00				
T55529025003-6020101-72	Bộ máy tính để bàn	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529025003-6020101-70	Bộ máy tính để bàn	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55042008009-6020101-224	Máy tính FPT ELEAD FY22.104	1		15.550,00	9.330,00	1,00				
T55529025003-60102-13	Máy tính xách tay	1		14.900,00	8.195,00	1,00				
T55529025003-60102-6	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529025003-60102-2	Máy tính (Tính chuyển)	1		13.843,10		1,00				
T55042008214-6020102-79	Máy tính	1		12.500,00						
T55042008214-60102-101	HP core3	1		14.233,26	8.539,95	1,00				
T55529025003-60102-9	Máy tính xách tay ASUS X542UQ	1		14.890,00	8.934,00	1,00				
T55529025003-6020102-75	Máy tính xách tay Dell	1		19.850,00	15.880,00	1,00				
T55529006-6020102-4	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008214-60301-102	Máy tính Dell Vostro 3530 core 5 - I334U	1		14.550,00	11.640,00	1,00				
T55529025003-60102-3	Máy tính (Tinh chuyển)	1		15.837,44		1,00				
T55042008010-6020102-53	Máy tính xách tay Dell	1		15.200,00	9.120,00	1,00				
T55529025003-60102-4	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55042008029-6020102-49	Máy tính xách tay HP	1		12.500,00						
T55042008009-6020102-179	Máy tính xách tay HP core i3	1		14.200,00	2.840,00					
T55529025003-60102-10	Máy tính xách tay Compac	1		12.007,05		1,00				
T55529025003-60102-14	Máy vi tính HP (Modem: S01-pF2034d)	1		14.730,00		1,00				
T55529025003-60102-5	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529025003-60102-8	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529025003-6020102-74	Máy tính xách tay Dell	1		19.850,00	15.830,00	1,00				
T55529025003-60102-7	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529002-6020102-114	Máy tính Asus P1403cv	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529025003-60103-11	Máy in A3	1		27.894,00		1,00				
T55529022-6020106-11	Máy phô tô	1		110.000,00	88.000,00	1,00				
T55529001-6020107-43	Điều hòa cây Funiki	1		33.800,00	29.575,00	1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529001-6020107-46	Điều hòa cây Funiki	1		33.800,00	29.575,00	1,00				
T55529001-6020107-44	Điều hòa cây Funiki	1		33.800,00	29.575,00	1,00				
T55529001-6020107-15	Điều hòa	1		10.829,00		1,00				
T55042008058-60107-327	Điều hòa Sumikura 1	1		11.186,52	8.389,89	1,00				
T55529001-6020107-45	Điều hòa cây Funiki	1		33.800,00	29.575,00	1,00				
T55529001-6020107-41	Điều hòa cây Funiki	1		33.800,00	29.575,00	1,00				
T55042008058-60107-328	Điều hòa Sumikura 2	1		11.186,52	8.389,89	1,00				
T55529001-6020107-42	Điều hòa cây Funiki	1		33.800,00	29.575,00	1,00				
T55529001-6020109-30	Bàn ghế đồng ky	1		11.000,00		1,00				
T55042008058-6020109-435	Bộ bàn ghế tiếp khách kiểu Đài Loan	1		10.450,00		1,00				
T55529025003-6020109-80	Bàn ghế Đồng ky	1		11.000,00		1,00				
T55529025003-6020109-81	Bàn ghế tiếp khách	1		14.590,00		1,00				
T55042008058-6020109-436	Bộ bàn ghế tiếp khách kiểu Đài Loan	1		10.450,00		1,00				
T55529002-6020110-118	Bàn họp hội đồng	1		13.473,00	11.788,88	1,00				
T55529022-6020112-12	Máy Scan 2 mặt HP	1		12.990,00	10.392,00	1,00				
T55529022-6020112-10	Máy Scan A4 HP Scanjet Pro- 3000- S2	1		11.750,00		1,00				

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529000-6020115-240	Tủ com công nghiệp 60kg	1		42.646,00	2.132,30	1,00				
T55529000-6020115-239	Hệ thống ga	1		39.806,00	1.990,30	1,00				
T55529000-6020115-238	Bàn ghế văn phòng	1		40.000,00		1,00				
T55042008217-504-54	Máy chiếu BenQ	1		14.500,00		1,00				
T55042008029-6020201-50	Máy chiếu NEC NP-MC302XG	1		30.885,00						
T55042008009-504-49	Máy chiếu Mitsubishi	1		26.350,00						
T55042008055-6020201-59	Máy chiếu	1		24.885,00						
T55042008009-6020201-86	Máy chiếu 4: NEC NP-MC302XG	1		24.550,00						
T55042008058-6020201-308	Máy chiếu + màn chiếu NEC NP-MC302XG + Dalite P70ES (Màn non)	1		26.800,00		1,00				
T55042008058-6020201-307	Máy chiếu + màn chiếu NEC NP-MC302XG + Dalite P70ES (Màn non)	1		26.800,00		1,00				
T55042008055-6020201-72	Máy chiếu Ben Q (Tài trợ)	1		12.350,00	4.940,00					
T55042008029-504-25	Máy chiếu Sony VPL - DX 131	1		14.000,00						
T55042008058-504-291	Máy chiếu VPL	1		11.290,00		1,00				
T55042008217-6020201-81	Máy chiếu vật thể	1		17.811,00	10.686,60	1,00				
T55042008055-6020201-74	Máy chiếu vật thể AVERVISION F50+	1		17.811,00	10.686,60	1,00				
T55042008009-6020201-223	Máy chiếu đa năng Viewsonic LS500WHE	1		17.990,00	10.794,00	1,00				

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008217-6020201-73	Máy chiếu Optoma X588	1		17.000,00	3.400,00					
T55042008055-6020201-63	Máy chiếu đa năng Optom390 PX 390+	1		20.000,00	4.000,00					
T55042008010-6020201-35	Máy chiếu Epson EB - X05	1		13.200,00						
T55042008058-6020201-305	Máy chiếu+ màn chiếu HPRC HC-3019	1		19.000,00						
T55042008055-6020201-79	Máy chiếu đa năng Viewsonic LS500WHE	1		17.990,00	10.794,00	1,00				
T55042008055-6020201-65	Máy chiếu BenQ (Tài trợ)	1		12.550,00	2.510,00					
T55042008029-6020201-59	Máy chiếu đa năng VL-W40DI (5 chiếc)	1		134.500,00						
T55529003-604-458	Máy chiếu đa năng Viewsonic	1		13.610,00	10.888,00	1,00				
T55042008009-6020201-96	Máy chiếu 6: NEC NP-MC302XG	1		24.650,00						
T55529005-6020201-85	Máy chiếu EPSON EB-E24	1		16.200,00	12.960,00	1,00				
T55042008009-6020201-120	Máy chiếu đa năng 8: VL-W40DI	1		26.900,00						
T55042008217-6020201-66	Máy chiếu 4: NEC NP-MC302XG (4 cái) sở Giáo dục cấp	1		98.200,00						
T55042008009-6020201-214	Máy chiếu vật thể AVER VISION F50+	1		17.811,00	10.686,60	1,00				
T55042008029-504-23	Máy chiếu Sony VPL - DX 131	1		14.000,00						
T55042008010-6020201-40	Máy chiếu Epson EB-E500	1		25.000,00						
T55042008010-504-26	Máy chiếu OPTMA	1		17.985,00						

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008055-6020201-71	Máy chiếu Ben Q (Tài trợ)	1		12.350,00	4.940,00					
T55529003-604-459	Máy chiếu đa năng Viewsonic	1		13.610,00	10.888,00	1,00				
T55042008010-6020201-34	Máy chiếu Sony	1		26.000,00						
T55042008055-6020201-56	Máy chiếu dùng chung	1		21.490,00						
T55042008009-6020201-83	Máy chiếu 1: NEC NP-MC302XG	1		24.550,00						
T55042008055-60316-80	Máy chiếu Ben Q (Tài trợ)	1		12.500,00	7.500,00	1,00				
T55042008055-6020201-60	Máy chiếu dùng chung	1		24.885,00						
T55042008010-6020201-36	Máy chiếu Epson EB - S41	1		13.200,00						
T55042008009-6020201-84	Máy chiếu 2: NEC NP-MC302XG	1		24.550,00						
T55529003-604-460	Máy chiếu đa năng Viewsonic	1		13.610,00	10.888,00	1,00				
T55042008217-6020201-76	Máy chiếu Phòng Giáo dục cấp	1		13.000,00	6.000,00					
T55042008009-6020201-119	Máy chiếu đa năng 7: VL-W40DI	1		26.900,00						
T55042008217-6020201-80	Bộ Máy chiếu đa năng	1		17.990,00	10.794,00	1,00				
T55042008009-6020201-94	Máy chiếu 5: NEC NP-MC302XG	1		24.650,00						
T55042008009-6020201-180	Máy chiếu Epson 1	1		13.600,00	2.720,00					
T55042008009-6020201-181	Máy chiếu Epson 2	1		13.600,00	2.720,00					

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008009-6020201-85	Máy chiếu 3: NEC NP-MC302XG	1		24.550,00						
T55042008058-6020202-311	Máy lọc nước Carofi 50l/h	1		15.500,00						
T55042008010-6020204-48	Ti vi 75 inch	1		17.900,00	10.740,00	1,00				
T55042008009-6020204-87	Ti vi màn hình cảm ứng INTECH TS65DW	1		79.880,00						
T55042008214-6020204-82	Mua ti vi	1		10.500,00	4.200,00					
T55042008217-6020204-78	Ti vi Sam sung	1		54.300,00	32.580,00	1,00				
T55042008217-6020204-74	Màn hình ti vi TCL	1		11.700,00	2.340,00					
T55529005-6020204-86	Ti vi LG 65UA 7350 PSB	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529001-6020204-21	Internet Tivi 75UR801COSB	1		24.600,00	14.760,00	1,00				
T55529001-6020204-29	Màn hình LED nhà văn hóa trung tâm xã	1		98.000,00	58.800,00	1,00				
T55042008217-6020204-77	Màn hình ti vi Casper55uw6000 (nguồn vận động tại trợ)	1		23.400,00	9.360,00					
T55042008010-6020204-44	Ti vi 65 inch Panasonic	1		13.500,00	5.400,00					
T55042008217-6020204-67	Ti vi màn hình cảm ứng INTECH TS65DW	1		79.880,00						
T55042008217-6020204-55	Tivi SamSung 49 in	1		13.850,00						
T55042008010-6020204-43	Ti vi 65 inch Panasonic	1		13.500,00	5.400,00					
T55042008009-6020204-215	Màn hình hiển thị Ti vi Samsung 75AU7700-1	1		18.100,00	10.860,00	1,00				

STT	Đánh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008010-6020204-47	Ti vi 75 inch	1		17.900,00	10.740,00	1,00				
T55042008009-6020204-216	Màn hình hiển thị Ti vi Samsung 75AU7700-2	1		18.100,00	10.860,00	1,00				
T55042008009-6020204-217	Màn hình hiển thị Ti vi Samsung 75AU7700-3	1		18.100,00	10.860,00	1,00				
T55042008009-6020204-202	Ti vi Samsung 75 inch UA 75 AU8100KXXV	1		23.850,00	14.310,00	1,00				
T55529023-6020206-4	Máy chụp hình KTS Sony Alpha A7 Mark IV/LCE-A7 M4	1		92.900,00	74.320,00	1,00				
T55529001-6020207-20	Loa trầm CAVS P12PLUS	1		11.000,00	4.400,00	1,00				
T55529001-6020207-26	Thiết bị âm thanh đa kênh DSPPA AE- SDT	1		14.700,00	8.820,00	1,00				
T55529001-6020207-19	Loa trầm CAVS P12PLUS	1		11.000,00	4.400,00	1,00				
T55042008217-6020207-79	Thiết bị âm thanh đa năng	1		10.900,00	6.540,00	1,00				
T55042008010-6020207-50	Thiết bị âm thanh đa năng	1		10.400,00	6.240,00	1,00				
T55529001-6020207-22	Amplifier DSP power amplifier L3600FD- EU	1		44.300,00	26.580,00	1,00				
T55529001-6020207-16	Hệ thống truyền thanh không dây và các thiết bị kèm theo	1		382.820,00		1,00				
T55042008009-6020207-125	Đàn Organ Casio Keyboard (đàn phím điện tử)	1		11.400,00						
T55529001-6020207-27	Bộ quản lý nguồn điện DSPPA AE- PSC218	1		16.200,00	9.720,00	1,00				
T55529001-6020207-28	Micro không dây Shure SM58	1		22.600,00	13.560,00	1,00				
T55529001-6020207-14	Loa đài âm ly	1		13.110,00		1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008029-6020207-63	Đàn	1		11.270,00						
T55529001-6020207-18	Bộ khuếch đại CAVS M4850	1		14.800,00	5.920,00	1,00				
T55529001-6020207-25	Loa hội trường DSPPA D2153	1		25.000,00	15.000,00	1,00				
T55529001-6020207-23	Bộ chống phản hồi âm DSPPA AE-1999	1		17.700,00	10.620,00	1,00				
T55529001-6020207-24	Loa hội trường DSPPA D2153	1		25.000,00	15.000,00	1,00				
T55042008009-6020210-59	Tủ đông-Tủ mát 400 L	1		12.269,75						
T55042008029-6020210-51	Tủ đông - Tủ mát 400L	1		12.269,75						
T55042008217-6020216-71	Hệ thống Camera giám sát phân hiệu Mô Ba	1		10.593,00						
T55042008029-6020216-57	Hệ thống Camera giám sát	1		25.880,00						
T55529004-6020216-92	Hệ thống camera giám sát	1		24.167,00	9.666,80	1,00				
T55042008058-6020216-318	Camera giám sát an ninh điểm Trung Tâm	1		14.400,00	5.760,00					
T55042008009-6020216-174	Hệ thống camera giám sát	1		19.305,00						
T55042008217-6020216-57	Camera Dahua 4 mắt điểm trường trung tâm	1		12.500,00						
T55529001-6020218-17	Máy bơm nước	1		43.950,00	16.481,25	1,00				
T55042008009-524-56	Kệ ti vi	1		10.100,00		1,00				
T55529008-6020222-11	Mái tôn sân Trạm Y tế 23m2	1		51.766,00	38.824,50	1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	47		1.119.664,50	446.954,25	45,00				
T55529001-60301-32	Máy tính để bàn	1		17.320,00		1,00				
T55529001-60301-33	Máy tính để bàn	1		18.950,00		1,00				
T55529001-60302-35	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529001-60302-37	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529001-60302-34	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55529007-60302-77	Máy vi tính xách tay Dell DC15250	1		17.000,00	13.600,00	1,00				
T55529007-60302-76	Máy vi tính xách tay Dell DC15250	1		17.000,00	13.600,00	1,00				
T55529001-60302-36	Máy tính bảng	1		22.550,00	4.510,00	1,00				
T55042008010-60302-51	Máy tính xách tay	1		12.500,00	7.500,00	1,00				
T55529001-60309-40	Bộ bàn ghế đồng ky	1		12.000,00		1,00				
T55529007-60310-78	Bộ bàn ghế quầy phòng hội đồng	1		41.400,00	36.225,00	1,00				
T55042008010-60316-49	Máy chiếu đa năng	1		19.000,00	11.400,00	1,00				
T55529001-60319-39	Ti vi hiển thị lịch công tác	1		34.900,00	20.940,00	1,00				
T55529005-60319-87	Ti vi LG 65UA 7350 PSB	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529000-60319-230	Ti vi 75 inch	1		28.900,00	23.120,00	1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529004-60319-88	Tivi LCD thông minh HXYH65B650UA	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55042008055-60319-75	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00				
T55529000-60319-229	Ti vi 65 inch	1		16.500,00	13.200,00	1,00				
T55529000-60319-228	Ti vi 65 inch	1		16.500,00	13.200,00	1,00				
T55529001-60319-38	Ti vi hiển thị lịch công tác	1		34.900,00	20.940,00	1,00				
T55529004-60319-89	Tivi LCD thông minh HXYH65B650UA	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55529000-60319-231	Ti vi 65 inch	1		16.500,00	13.200,00	1,00				
T55042008055-60319-76	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00				
T55529004-60319-87	Tivi LCD thông minh HXYH65B650UA	1		15.000,00	12.000,00	1,00				
T55042008055-60319-77	Tivi Samsung 75AU7700	1		18.100,00	10.860,00	1,00				
T55529000-60319-227	Ti vi 65 inch	1		16.500,00	13.200,00	1,00				
T55529002-60322-115	Bộ thiết bị âm thanh ngoài trời	1		35.000,00	28.000,00	1,00				
T55042008055-60322-78	Thiết bị âm thanh đa năng di động OONEPRO	1		10.900,00	6.540,00	1,00				
T55529022-60337-13	Máy tính Kiosk tra cứu văn bản cho bộ phận 1 cửa	1		83.000,00	20.750,00	1,00				
T55529008-60339-13	Bộ đặt vòng	1		11.470,00	8.602,25	1,00				
T55529004-60339-91	Đàn phím điện tử (Keyboard)	1		11.498,00	2.874,50	1,00				

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55529003-604-475	Bộ vận động đa năng	1		95.000,00		1,00				
T55529007-60339-75	Bộ âm ly, loa đài	1		38.100,00	33.337,50	1,00				
T55042008214-60339-85	Tủ Sấy Bát	1		14.680,00	9.175,00					
T55042008214-60339-86	Tủ Sấy Bát	1		14.680,00	9.175,00					
T55529002-60339-125	Bộ đồ chơi ngoài trời (Nhà chơi khối bí)	1		56.300,00		1,00				
T55529002-60339-124	Bộ đồ chơi ngoài trời (Xích đu cầu trượt)	1		25.000,00		1,00				
T55529002-60339-117	Nhà chòi cầu trượt đa năng	1		10.164,00		1,00				
T55529003-604-474	Bộ liên hoàn cầu trượt xích đu đa năng	1		48.500,00		1,00				
T55529003-60115-451	Thiết bị appliance Firewall, tường lửa thông minh	1		14.300,00	12.512,50	1,00				
T55529008-60339-12	Bàn khám lâm thủ thuật phụ khoa- Quang Sơn	1		11.800,00	8.850,00	1,00				
T55529003-60339-478	Đu quay đạp chân 18 chỗ	1		17.400,00		1,00				
T55529002-60339-123	Bộ đồ chơi ngoài trời (Mâm 6 con ngựa)	1		19.450,00		1,00				
T55529003-604-476	Đu quay đạp chân 18 chỗ	1		17.400,00		1,00				
T55529008-60339-14	Bộ thảo vòng	1		11.190,00	8.392,50	1,00				
T55529002-60339-122	Bộ đồ chơi ngoài trời 02	1		32.062,50		1,00				
T55529003-60339-477	Đu quay đạp chân 18 chỗ	1		17.400,00		1,00				



STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4.4	Máy móc, thiết bị khác	26		493.970,92	126.333,27	7,00				
T55042008009-604-57	Già để khay, bát 6 tầng: KT 1200x500x1900mm	1		10.460,00	1.307,50					
T55042008029-604-52	Tủ com công nghiệp 60kg	1		42.646,00	5.330,75					
T55042008058-60303-310	Tủ sấy bát	1		22.870,00	8.576,25					
T55042008029-604-61	Tủ điều khiển trung tâm phòng Lý (THCS)	1		11.914,00	2.978,50	1,00				
T55042008217-604-63	Già để khay bát 6 tầng	1		10.460,00	1.307,50					
T55529003-604-454	Tủ com ga 20kg bếp Đồng Máy	1		17.750,00	15.531,25	1,00				
T55042008217-604-58	Bếp gas công nghiệp (bếp gas đôi)	1		12.575,75	1.571,97					
T55042008058-604-306	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ MN	1		11.914,00	2.978,50	1,00				
T55042008029-604-54	Bếp gas công nghiệp (bếp gas đôi)	1		12.575,75	1.571,97					
T55042008217-604-60	Hệ thống gas	1		39.806,00	4.975,75					
T55042008029-604-53	Hệ thống gas	1		39.806,00	4.975,75					
T55042008009-604-63	Bếp ga công nghiệp (Bếp ga đôi)	1		12.575,75	1.571,97					
T55042008214-604-64	Tủ nấu com ga	1		37.640,00	9.410,00					
T55042008217-604-59	Bếp gas công nghiệp (bếp gas đôi)	1		12.575,75	1.571,97					
T55042008217-604-64	Già để khay bát 6 tầng	1		10.460,00	1.307,50					

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
T55042008009-604-62	Bếp ga công nghiệp (Bếp ga đôi)	1		12.575,75	1.571,97					
T55042008058-604-309	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ MN	1		11.914,00	2.978,50	1,00				
T55042008009-604-58	Giá để khay, bát 6 tầng: KT 1200x500x1900mm	1		10.460,00	1.307,50					
T55042008214-604-72	Tủ để đồ dùng cá nhân của trẻ MN	1		11.914,00	2.978,50	1,00				
T55042008217-604-61	Tủ đông - Tủ mát 400L	1		12.269,75	1.533,72					
T55042008010-604-38	Tủ điều khiển trung tâm phòng Lý (THCS)	1		11.914,00	2.978,50	1,00				
T55042008029-604-65	Hệ thống lọc nước khu Nội trú	1		17.500,00	6.562,50					
T55042008029-604-62	Cầu môn bóng đá	1		11.500,00	4.312,50					
T55529003-604-455	Tủ sấy bát đĩa trường Đồng Mỹ	1		24.500,00	21.437,50	1,00				
T55042008058-604-317	Tủ nấu cơm ga 20 kg	1		20.748,42	10.374,21					
T55042008217-604-62	Tủ cơm công nghiệp 60kg	1		42.646,00	5.330,73					
7	Tài sản cố định hữu hình khác	4		462.633,32						
T55042008214-11-10	Khu đồ chơi liên hoàn	1		150.000,00						
T55042008217-11-20	Sân cổng hàng rào Mỏ Ba	1		227.133,32						
T55042008214-11-59	Bộ đồ chơi ngoài trời	1		50.000,00						
T55042008214-11-49	Khối liên hoàn 2 cầu trượt	1		35.500,00						

STT	Danh mục tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
						Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Lai sản cơ định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	12		227.813,00	89.450,40	6,00				
T55042008217-1204-31	Phần mềm kế toán	1		10.000,00						
T55042008029-1204-30	Phần mềm kế toán	1		10.000,00						
T55529024-1204-57	Phần mềm báo cáo tổng hợp dữ liệu tài chính	1		92.000,00	36.800,00	1,00				
T55042008214-1204-53	Phần mềm dinh dưỡng	1		10.000,00						
T55042008214-1204-19	Phần mềm kế toán	1		10.000,00						
T55042008010-1204-22	Phần mềm kế toán Misa	1		10.000,00						
T55042008058-1204-292	Phần mềm quản lý nuôi dưỡng	1		10.000,00		1,00				
T55529005-1204-88	Phần mềm tường lửa	1		14.300,00	11.440,00	1,00				
T55042008009-1204-47	Phần mềm Misa	1		10.000,00						
T55529025003-1250-79	Hệ thống tường lửa	1		22.913,00	18.330,40	1,00				
T55529002-1250-112	Phần mềm giải pháp tường lửa thông minh SafeGate School	1		14.300,00	11.440,00	1,00				
T55529004-1205-90	Thiết bị Appliance Firewall, giải pháp tường lửa thông minh SafeGate School	1		14.300,00	11.440,00	1,00				
	Tổng số	492	106.324,92	151.053.475,93	111.476.236,38	297.640.504,82			1,00	

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Quang Sơn
 Mã đơn vị: T55529
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 04c-CK/TSC



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số **14** /QĐ-UBND ngày **10** tháng **01** năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền								Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Chi phí xử lý tài sản (Nghìn đồng)	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Chuyển giao	Xử lý khác				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Bộ, tỉnh: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan quản lý cấp trên: Tỉnh Thái Nguyên
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: UBND xã Quang Sơn
Mã đơn vị: T55529
Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 04d-CK/TSC



CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 14 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

Stt	Tên tài sản	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Khai thác		Kinh doanh		Cho thuê		Liên doanh, liên kết		Số tiền thu được trong năm	Chi phí	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Số tiền giữ lại
						Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức	Diện tích	Hình thức				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0